TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày: 14 - 02 - 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Văn Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mưng Niê

2. Ông Vũ Công Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà*:** Ông Y Đum Kpă – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số: 02/2022/QĐST, ngày 20 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần B

- Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng giám đốc

Trụ sở: Số 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Đình V – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Đắk Lắk – Ngân hàng Bưu Đ. (Quyết định uỷ quyền số 6650/QĐ-TGĐ, ngày 20/6/2017)

Địa chỉ: Số 286 P, phường Th, thành phố B, tỉnh Đ

- Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đoàn Thái Ng, Phó Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch E – Chi nhánh Đ - Có mặt

Địa chỉ: Số 553 G, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H – Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày đề ngày 09/12/2020, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 02/08/2019 vợ chồng ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H có vay của Ngân hàng TMCP B với tổng số tiền gốc là 180.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số HDTD 66320190698, thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích vay đầu tư chăm sóc cây cà phê, hồ tiêu. Để đảm bảo cho hai khoản vay nói trên vợ chồng ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H có thế chấp tại Ngân hàng TMCP B 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 98, diện tích 452,6 m^2. Mục đích đất ở 100m^2, đất trồng cây lâu năm 352,6 m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đ đã được UBND huyện K cấp cho ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H vào ngày 01/7/2016 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 994531, theo hợp đồng thế chấp số 868/2018/ HĐTC/PGD EAHLEO, ngày 30/7/2018 và phụ lục hợp đồng thế chấp số: PL01/868/2018 /HĐTC/PGDEAHLEO, ngày 02/8/2019;

Mặc dù, đã quá hạn trả nợ và Ngân hàng đã đến nhà vợ chồng ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H để đôn đốc việc trả nợ nhiều lần nhưng vợ chồng Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H vẫn không thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP B tạm tính đến ngày xét xử (ngày 14/02/2022) với tổng số tiền là 246.818.663 đồng, trong đó nợ gốc là 179.989.434 đồng, nợ lãi trong hạn: 18.720.986 đồng, lãi quá hạn: 30.153.907 đồng, tiền phạt gốc: 15.076.954 đồng và tiền phạt lãi: 2.877.382 đồng. Tiếp tục tính lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số số HDTD 66320190698, ngày 02/8/2019 kể từ ngày 15/02/2022 cho đến khi vợ ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H trả hết nợ.

Trường hợp vợ chồng ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 98, diện tích 452,6 m^2. Mục đích đất ở 100m^2, đất trồng cây lâu năm 352,6 m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đ đã được UBND huyện K cấp cho ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H vào ngày 01/7/2016 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 994531, theo hợp đồng thế chấp số 868/2018/HĐTC/PGDEAHLEO, ngày 30/7/2018 và phụ lục hợp đồng thế chấp số: PL01/868/2018/HĐTC/PGDEAHLEO,ngày 02/8 /2019 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP B.

Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành

xác minh và niêm yết hợp lệ nhiều lần, đầy đủ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu về nội dụng vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H đã được Tòa án xác minh, niêm yết hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng và thủ tục tống đạt xét xử lần 2 hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B khởi kiện ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng tín dụng, Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn và xác minh nơi cư trú của bị đơn đúng theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng tín dụng. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết hợp lệ, và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn vợ chồng ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H nhưng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Mặc dù, đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Xét hợp Hợp đồng tín dụng số HDTD 66320190698, ngày 02/8/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch E với với vợ chồng ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H là đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, được công chứng, chứng thực theo đúng quy định; quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H chưa thanh toán được cho Ngân hàng TMCP B được khoản tiền gốc nào và vi phạm nghĩa vụ trả lãi kể về thời hạn trả nợ từ ngày 03/8/2020. Do đó, nguyên đơn Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP

B tính đến ngày xét xử 14/02/2022 với tổng số tiền là 246.818.663 đồng, trong đó nợ gốc là 179.989.434 đồng, nợ lãi trong hạn: 18.720.986 đồng, lãi quá hạn: 30.153.907 đồng, tiền phạt gốc: 15.076.954 đồng và tiền phạt lãi: 2.877.382 đồng.Về tiền lãi phát sinh: Tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp Hợp đồng tín dụng số HDTD 6632 0190698, ngày 02/8/2019 kể từ ngày 15/02 /2022 cho đến khi vợ chồng Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H trả hết nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Xét hợp đồng thế chấp tài sản số: 868/2018/HĐTC/PGDEAHLEO, ngày 30/7/2018 và phụ lục hợp đồng thế chấp số: PL01/868/2018/HĐTC/ PGD EAHLEO, ngày 02/8/2019 giữa Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch E với vợ chồng ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H được ký kết với người có thẩm quyền, đúng thủ tục và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định nên phát sinh hiệu lực. Do đó, trường hợp vợ chồng ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 98, diện tích 452,6 m^2. Mục đích đất ở 100m^2, đất trồng cây lâu năm 352,6 m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đ đã được UBND huyện K cấp cho ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H vào ngày 01/7/2016 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 994531, theo hợp đồng thế chấp số 868/2018 /HĐTC/ PGDEAHLEO, ngày 30/7/2018 và phụ lục hợp đồng thế chấp số: PL01 /868 /2018/HĐTC/PGDEAHLEO, ngày 02/8/ 2019 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP B là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp vợ chồng ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP B thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần B có nghĩa vụ trả lại cho ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 994531 mang tên ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 12.341.000 đồng (*Mười hai triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn đồng*) (làm tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 353; 317, 318, 319, 321, 322, 323; 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự; Điều 8, 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

1. Về số nợ và nghĩa vụ trả nợ: Buộc vợ chồng ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B (tạm tính đến ngày xét xử ngày 14/02/2022) với tổng số tiền là 246.818.663 đồng (*Hai trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm mười tám nghìn sáu trăm sáu mươi ba đồng*), trong đó nợ gốc là 179.989.434 đồng, nợ lãi trong hạn: 18.720.986 đồng, lãi quá hạn: 30.153.907 đồng, tiền phạt gốc: 15.076.954 đồng và tiền phạt lãi: 2.877.382 đồng.

Tiếp tục tính lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số HDTD 66320190698, ngày 02/8/2019 kể từ ngày 15/02/2022 cho đến khi vợ chồng ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H trả hết nợ.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp vợ chồng ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 98, diện tích 452,6 m^2. Mục đích đất ở 100m^2, đất trồng cây lâu năm 352,6 m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đ đã được UBND huyện K cấp cho ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H vào ngày 01/7/2016 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 994531, theo hợp đồng thế chấp số 868/2018/HĐTC /PGD EAHLEO, ngày 30/7/2018 và phụ lục hợp đồng thế chấp số: PL01/868 /2018 /HĐTC/ PGD EAHLEO, ngày 02/8/ 2019 để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP B

Trường hợp vợ chồng ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP B thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần B có nghĩa vụ trả lại cho ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 994531 mang tên ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Bùi Đăng Đ, bà Hoàng Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 12.341.000 đồng (*Mười hai triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 5.094.000 đồng (*Năm triệu không trăm chín mươi bốn nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0011813, ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Krông Búk;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Búk;*
- *TAND tỉnh Đắk Lắk*
- *Lưu Hồ sơ, Văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Văn Chinh